

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2023/HNGĐ-ST

Ngày : 08-5-2023

Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Ông Lý Khắc Chung.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Thị Tuyết Mai – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 600/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Ph Ng B, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ 17, ấp KH, xã KH, huyện CP, tỉnh AG. Địa chỉ liên hệ: Số 150, tổ 04, ấp MT, xã MP, huyện CP, tỉnh AG. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Ông Th A Kh, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số 626, Tổ 17, ấp KH, xã KH, huyện CP, tỉnh AG. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai cùng đề ngày 21/11/2022; và quá trình tố tụng nguyên đơn Bà Ph Ng B trình bày như sau:

Bà và Ông Th A Kh quen biết nhau, tự tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2005, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận

kết hôn số: 289, ngày 31/12/2007. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Th A Kh.

Về con chung: Trong thời gian sống chung có 02 (hai) con tên: Thái Thị Huỳnh Hương, sinh ngày 23/12/2007 và Thái Thị Huỳnh Dao, sinh ngày 18/01/2017. Hiện tại các con đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được hai nuôi con chung, yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Bị đơn Ông Th A Kh được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa để tham gia các tiến trình tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Ph Ng B.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Bà Ph Ng B trình bày: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về hôn nhân yêu cầu được ly hôn với ông Kh; về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Ông Th A Kh: Vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà B và ông Kh chung sống có đăng ký kết hôn là thực hiện đúng quy định Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa nguyên đơn bà B trình bày: Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên nay xin

được ly hôn với ông Kh; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến cung cấp ý kiến, theo biên bản xác minh cho thấy vợ chồng có mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án các bên không thể hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

+ Về con chung: Bà B và ông Kh có hai con chung tên Thái Thị Huỳnh Hương, sinh ngày 23/12/2007 và Thái Thị Huỳnh Dao, sinh ngày 18/01/2017. Bà B yêu cầu được nuôi con chung và tại phiên tòa bà B rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con chung; xét thấy yêu cầu nuôi con chung của bà B là phù hợp với nguyện vọng con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, giao con chung tên Huỳnh Hương và Huỳnh Dao cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do bà B không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Về án phí: Đề nghị xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về sự vắng mặt, có mặt của đương sự: Bị đơn Ông Th A Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan và không có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn Bà Ph Ng B:* Bà B và ông Kh tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 289 cấp ngày 31/12/2007 cho Ông Th A Kh, Bà Ph Ng B là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà B trình bày: Cuộc sống vợ chồng thời gian gần đây đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, giữa ông bà đã có thời gian ly thân, không còn chung sống với nhau trong khoảng thời gian dài. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, ông Kh biết được việc bà B yêu cầu ly hôn, nhưng không đến để Tòa án đề tham gia các phiên hòa giải, chứng tỏ ông Kh không muốn tiếp tục chung sống với bà B, bỏ mặc cuộc sống vợ chồng, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không rõ. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cùng chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B;

[2.2] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà B và ông Kh có 02 (hai) con tên Thái Thị Huỳnh Hương, sinh ngày 23/12/2007 và Thái Thị Huỳnh Dao, sinh ngày 18/01/2017. Xét thấy, từ khi bà B với ông Kh sống ly thân đến nay là một thời gian dài và các con chung đều sống cùng với bà B, nguyện vọng của các con được sống chung với bà B. Nhằm ổn định, phát triển về tinh thần và thể chất cho các con chung, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung cho bà B được trực tiếp nuôi, ông Kh không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nên không xem xét.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi dạy con chung*: Tại phiên tòa, bà B xác định không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Bà B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] *Về án phí*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Do đó, bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56, khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Ph Ng B, Bà Ph Ng B được ly hôn với Ông Th A Kh.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 289, ngày 31/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho Bà Ph Ng B và Ông Th A Kh không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con tên: Thái Thị Huỳnh Hương, sinh ngày 23/12/2007 và Thái Thị Huỳnh Dao, sinh ngày 18/01/2017. Giao 02 con chung tên Thái Thị Huỳnh Hương, sinh ngày 23/12/2007 và Thái Thị Huỳnh Dao, sinh ngày 18/01/2017 cho Bà Ph Ng B trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Kh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Ph Ng B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0005095 ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Ph Ng B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Th A Kh vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi Cục THA DS Châu Phú;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh

